|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 332 /BC-UBND | *Sa Thầy, ngày 15 tháng 12 năm 2016* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua Đề án**

**tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ 3.

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số [75/2006/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=75/2006/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giáo dục; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ban hành năm 2009;Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chiến lược Phát triển giáo dục 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015-2020; Nghị quyết số 05 –NQ/TU ngày 23/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV về tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 2288/KH-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình số 67/CTr/TU ngày 29/4/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIV thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH TƯ Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Sa Thầy khóa XVI về nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ 3, nhiệm kỳ 2016-2021 xem xét, quyết định phê duyệt Đề án “Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục học sinh giai đoạn 2016-2020”, với các nội dung chủ yếu sau:

**I. Mục tiêu**

**1. Mục tiêu chung**

Kế thừa và phát huy kết quả đạt được qua thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/12/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum giai đoạn 2008-2015; Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 05/8/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Sa Thầy khóa XV về phát triển Giáo dục & Đào tạo giai đoạn 2011-2015; trên cơ sở tình hình thực tế về giáo dục trên địa bàn huyện có những giải pháp phù hợp để huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội, tiếp tục thực hiện việc nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh đặc biệt là học sinh vùng DTTS trên địa bàn huyện giai đoạn 2016- 2020, thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Đối với giáo dục mầm non**

- Huy động 100% trong độ tuổi đủ điều kiện ra lớp.

- 100% trường mầm non thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày.

- 100% trẻ em 5-6 tuổi vùng dân tộc thiểu số được trang bị tiếng Việt và chuẩn bị đủ các điều kiện trước khi vào lớp 1.

- Tỉ lệ trẻ em trong trường mầm non suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi duy trì ở mức dưới 10%.

**2.2. Đối với giáo dục phổ thông**

- 100% trẻ em hoàn thành chương trình mẫu giáo được vào lớp 1.

- 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS.

- 100% học sinh tiểu học được đánh giá về học lực và năng lực, phẩm chất ( Đạo đức) đạt mức hoàn thành trở lên.

- Trên 95% học sinh Trung học cơ sở có hạnh kiểm khá tốt và trên 40% học sinh đạt học lực khá, giỏi.

-100% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS.

- Phấn đấu từ 70% cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông được đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số hoặc ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

**2.3. Đối với cán bộ quản lý và giáo viên**

- 100% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, trong đó trên 90% đạt trình độ đào tạo trên chuẩn.

- Trên 90% cán bộ quản lý đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Tỉ lệ giáo viên giỏi các cấp hàng năm đạt trên 60% tổng số giáo viên.

**2.4. Về phổ cập giáo dục**

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập Trung học cơ sở.

**2.5. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và trường chất lượng cao**

- 100% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn “trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Xây dựng 03 trường chất lượng cao, gồm: Trường mầm non Hoa Hồng, trường tiểu học Hùng Vương, Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành.

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn huyện có 7 trường mầm non, 8 trường tiểu học và 6 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (có thêm 10 trường đạt chuẩn).

**II. Giải pháp**

1. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân, đặc biệt là của học sinh, cha mẹ học sinh đối với việc nâng cao chất lượng học sinh.

3. Sắp xếp lại hệ thống trường, lớp; đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh.

4. Xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện.

5. Tăng cường công tác quản lý; thực hiện dạy 2 buổi/ngày, phụ đạo đối với học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh khá giỏi; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp đối tượng

6. Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chế độ, chính sách đối với học sinh

7. Tăng cường nguồn lực Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

**II. Kinh phí thực hiện đề án**

Tổng kinh phí: ước khoảng 80.285 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 27.700 triệu đồng;

-Ngân sách tỉnh phân cấp : 15.400 triệu đồng;

- Ngân sách huyện: 34.435 triệu đồng. Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 11.100 triệu đồng. Nguồn sự nghiệp giáo dục bố trí sửa chữa thường xuyên khoảng 20.000 triệu đồng; hỗ trợ tiền học phí, tài liệu bồi dưỡng nâng cao trình độ về tin học, ngoại ngữ cho giáo viên khoảng 2.085 triệu đồng; tiền hỗ trợ bồi dưỡng học sinh khá giỏi khoảng 1.250 triệu đồng.

- Kinh phí huy động từ các nguồn xã hội hóa giáo dục: 2.750 triệu đồng.

*(Có dự thảo Đề án kèm theo)*

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ ba (khóa X) nhiệm kỳ 2016-2020 để Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức, triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -TT HĐND huyện; - Các Ban HĐND;  - MTTQVN và các đoàn thể;  - Đại biểu HĐND;  - Lưu: VT-LT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Y Sâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ ÁN**

**Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục huyện Sa Thầy**

**giai đoạn 2016-2020**

**Phần 1: MỞ ĐẦU**

Sa Thầy là huyện miền núi, biên giới, địa bàn rộng, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, người DTTS chiếm tỷ lệ cao, điểm xuất phát về kinh tế - xã hội thấp; trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân các dân tộc trong huyện đã đoàn kết nhất trí, nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện Sa Thầy tiếp tục phát triển, đạt được những kết quả quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành: mạng lưới trường, lớp và quy mô giáo dục và đào tạo từng bước được mở rộng; chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên, nhất là chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS. Huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở được duy trì và nâng cao.

Những kết quả về giáo dục và đào tạo nêu trên đã góp phần to lớn trong việc nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS vẫn còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội và còn có khoảng cách đáng kể so với vùng thuận lợi trong phạm vi huyện, tỉnh và cả nước.

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo miền núi, nhất là Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI; giáo dục và đào tạo vùng DTTS cần có những giải pháp quyết liệt, phù hợp để giải quyết căn bản những hạn chế, yếu kém, nâng cao chất lượng giáo dục một cách bền vững, rút ngắn khoảng cách so với các vùng thuận lợi của tỉnh.

**I. NHỮNG CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước và chương trình, kế hoạch của tỉnh**

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

- Căn cứ Nghị định số [75/2006/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=75/2006/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giáo dục; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ban hành năm 2009;

- Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chiến lược Phát triển giáo dục 2011-2020;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015-2020;

- Nghị quyết số 05 –NQ/TU ngày 23/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XV về tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 2288/KH-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình số 67/CTr/TU ngày 29/4/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIV thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH TƯ Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 06/9/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Sa Thầy khóa XVI về nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện “Về việc thông qua Đề án Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020”.

**2. Thực tiễn giáo dục và đào tạo của huyện Sa Thầy**

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy tỉnh Kon Tum.

- Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Sa Thầy.

- Chất lượng giáo dục đối với học sinh trên địa bàn huyện Sa Thầy.

**II. GIỚI HẠN, PHẠM VI ĐỀ ÁN**

- Đề án thực hiện trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

- Đề án tập trung đánh giá kết quả thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh giai đoạn 2010-2015 và xác định mục tiêu, các giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016- 2020.

**III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN**

Đề án gồm 4 phần chính:

- Phần 1: Mở đầu.

- Phần 2: Đánh giá khái quát kết quả thực hiện việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh trên địa bàn huyện giai đoạn 2010-2015.

- Phần 3: Quan điểm, mục tiêu và các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh giai đoạn 2016- 2020.

- Phần 4: Tổ chức thực hiện.

**Phần 2**

**ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NÂNG CAO**

**CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

**I. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH**

**1. Kết quả đạt được**

1.1. Hệ thống trường, lớp công lập được mở rộng, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nuôi dưỡng chăm sóc học sinh được quan tâm đầu tư để đáp ứng nhu cầu học tập cho học sinh.

Đầu năm học 2016- 2017, toàn huyện có 44 trường công lập từ mầm non đến THCS với 521 lớp; tăng 5 trường, 58 lớp so với năm học 2010- 2011. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời điểm** | **Mầm non** | | **Tiểu học** | | **THCS** | |
| **số trường** | **số lớp** | **số trường** | **số lớp** | **số trường** | **số lớp** |
| 2010-2011 | 12 | 121 | 15 | 244 | 12 | 98 |
| 2016-2017 | 15 | 148 | 15 | 251 | 14 | 122 |
| **Tăng (+)/giảm (-)** | **(+) 3** | **(+) 27** | **0** | **(+) 7** | **(+) 2** | **(+) 24** |

Trong đó có 05 trường Phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), bao gồm 01 trường PTDTBT cấp tiểu học và 04 trường PTDTBT cấp THCS, tạo điều kiện thuận lợi cho những học sinh đi học xa nhà có điều kiện theo học cả ngày tại trường.

- Đã quan tâm phát triển trường lớp mầm non tư thục trên địa bàn. Năm học 2016-2017 toàn huyện có 02 trường mầm non tư thục và một số nhóm trẻ gia đình, thu hút trên 600 cháu trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo ra lớp, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi trên địa bàn.

1.2. Song song với sự phát triển trường, lớp, quy mô học sinh các bậc, cấp học tăng lên so với năm học 2010 - 2011. Cụ thể đầu năm học 2016 - 2017 toàn huyện có 12.613 em, tăng 2.172 em; học sinh DTTS là 8.176, tăng 1.788 em. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời điểm** | **Mầm non** | | **Tiểu học** | | **THCS** | |
| **Tổng số** | **DTTS** | **Tổng số** | **DTTS** | **Tổng số** | **DTTS** |
| 2010- 2011 | 2.985 | 1.750 | 4.692 | 3.082 | 2.764 | 1.556 |
| 2016-2017 | 3.644 | 2.308 | 5.583 | 3.732 | 3.386 | 2.136 |
| **Tăng (+)/ giảm (-)** | **(+) 659** | **(+) 558** | **(+) 891** | **(+) 650** | **(+) 622** | **(+) 580** |

*Chi tiết cụ thể theo Mục 1, Phụ lục 1 đính kèm.*

**2. Hạn chế, nguyên nhân**

Do địa bàn rộng, dân cư phân bố phân tán nên còn tồn tại nhiều điểm trường lẻ; cấp tiểu học tồn tại khoảng 10 lớp ghép hai trình độ. Cụ thể :

- Bậc mầm non có 15 trường với 40 điểm trường lẻ

- Cấp tiểu học:

+ Có 15 trường với 30 điểm trường lẻ

+ Có 05 trường có lớp ghép với 10 lớp ghép 2 trình độ và 133 học sinh học ở các lớp ghép.

- Cấp THCS có 14 trường, trong đó có 02 trường có cả cấp tiểu học và THCS, Trường THCS xã Sa Nghĩa có điểm trường lẻ tại thôn Đắk Tăng.

Việc tồn tại nhiều điểm trường, lớp ghép gây khó khăn cho công tác đầu tư cơ sở vật chất, quản lý dạy học và chất lượng dạy học thấp.

**II. CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QLGD, GIÁO VIÊN**

**1. Kết quả đạt được**

Năm học 2016 - 2017, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn toàn huyện có 108 cán bộ QLGD, 799 giáo viên; so với năm học 2010 - 2011 có sự tăng mạnh về số lượng và chất lượng. Cụ thể:

**1.1. Đối với cán bộ QLGD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời điểm** | **Tổng số** | **Đạt chuẩn đào tạo trở lên** | | **Trên chuẩn đào tạo** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| 2010-2011 | 87 | 85 | 97,7 | 78 | 89,7 |
| 2016-2017 | 108 | 108 | 100 | 107 | 99,1 |
| **Tăng (+)/giảm (-)** | **(+) 21** | **(+) 23** | **(+) 2,3** | **(+) 29** | **+ 9,4** |

Trong số cán bộ QLGD hiện có, có 106 người người đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, chiếm tỷ lệ 98,1%; 02 người chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, chiếm tỷ lệ 1,9%

**1.2. Đối với giáo viên**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời điểm** | **Tổng số** | **Đạt chuẩn đào tạo trở lên** | | **Trên chuẩn đào tạo** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ %** | **Số lượng** | **Tỷ lệ %** |
| 2010-2011 | 678 | 658 | 97,1 | 605 | 89,2 |
| 2016-2017 | 799 | 799 | 100 | 618 | 77,3 |
| **Tăng (+)/giảm (-)** | **(+) 121** | **(+) 141** | **(+) 2,9** | **(+) 13** | **(-) 11,9** |

**1.3. Về lý luận Chính trị**

Có 42 cán bộ quản lý giáo dục có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên (chiếm tỷ lệ 38,9% tổng số cán bộ quản lý giáo dục huyện và chiếm 4,6% tổng số cán bộ quản lý, giáo viên).

**1.4. Về ngoại ngữ**

Có 72 cán bộ quản lý và giáo viên có chứng chỉ A ngoại ngữ (tỉ lệ 7,9%) và có 405 cán bộ quản lý, giáo viên có chứng chỉ B ngoại ngữ trở lên (chiếm tỷ lệ 44,7%).

**1.5. Về tiếng dân tộc thiểu số**

Toàn huyện có 507 cán bộ quản lý, giáo viên đã qua lớp bồi dưỡng tiếng Ja Rai, chiếm tỷ lệ 55,9%.

**1.6. Về tin học**

Có 623 cán bộ quản lý và giáo viên có chứng chỉ A tin học ( tỉ lệ 68,7%); có 166 người có chứng chỉ B tin học (tỉ lệ 18,3%).

*Có phụ lục chi tiết cụ thể kèm theo.*

**2. Hạn chế, nguyên nhân**

- Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên đật trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên còn thấp (4,6%).

- Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ B tin học còn thấp (18,3%).

- Số cán bộ quản lý và giáo viên biết sử dụng tiếng dân tộc thiểu số để giao tiếp với học sinh và cha mẹ học sinh còn nhiều hạn chế.

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Kết quả đạt được**

Giai đoạn 2010 - 2015, Ngành giáo dục huyện đã được tập trung đầu tư xây dựng phòng học, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ việc mở rộng hệ thống trường, lớp, đổi mới chương trình, sách giáo khoa và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đổi mới phương pháp dạy học; trang bị cơ sở vật chất phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh bán trú (HSBT) và cơ sở vật chất để phổ cập giáo dục đối với trẻ mầm non 5 tuổi.

- Về phòng học:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời điểm** | **Tổng số phòng học** | **Phòng học kiên cố và bán kiên cố** | | **Phòng học tạm, mượn, nhờ** | |
| **Số lượng** | **Tỉ lệ** | **Số lượng** | **Tỉ lệ** |
| Năm học 2010-2011 | 446 | 428 | 96,0 | 18 | 4,0 |
| Năm học 2016- 2017 | 546 | 520 | 95,2 | 26 | 4,8 |
| **Tăng (+)/giảm (-)** | **(+) 100** | **(+) 92** | **(-) 0,8** | **(+) 8** | **(+) 0,8** |

- Từ năm 2010 đến nay, các trường PTDTBT trên địa bàn huyện đã được đầu tư xây dựng 17 phòng ở bán trú (15 phòng kiên cố, bán kiên cố và 02 phòng tạm); 78 giường nằm; 4 nhà ăn và các trang thiết bị kèm theo (02 nhà kiên cố, bán kiên cố và 02 nhà tạm); 03 nhà bếp và các trang thiết bị kèm theo (01 nhà kiên cố, bán kiên cố và 02 nhà tạm) phục vụ nhu cầu ăn, ở cho học sinh bán trú; 09 nhà vệ sinh (07 kiên cố, 02 tạm); 04 công trình nước sạch phục vụ bán trú.

- Hiện nay, 100% trường học được trang bị máy vi tính phục vụ công tác quản lý hành chính; 100% trường có nối mạng internet để khai thác thông tin phục vụ dạy học và thực hiện giao dịch văn bản điện tử; 13/14 trường THCS, 2/15 trường tiểu học có phòng máy để dạy tin học.

*Chi tiết cụ thể theo Mục 3, Phụ lục 1 đính kèm.*

**2. Hạn chế, nguyên nhân**

- Do tình hình kinh tế khó khăn, nguồn đầu tư hạn hẹp, nên hiện nay toàn huyện vẫn còn 26 phòng học tạm, mượn, nhờ (tổng số 26 phòng, trong đó mầm non 16 phòng, tiểu học 07 phòng, THCS 03 phòng), chưa đáp ứng nhu cầu dạy học, nhất là việc dạy học 2 buổi/ngày (còn trường THCS Phan Đình Phùng xã Hơ Moong học sinh chưa được học 2 buổi/ ngày do thiếu phòng học).

- Nhiều trường chưa có tường rào, nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, phòng máy vi tính, phòng học ngoại ngữ, thư viện, nhà vệ sinh, giếng nước… Cơ sở vật chất các trường PTDTBT chưa đáp ứng nhu cầu ăn, ở, sinh hoạt của HSBT.

- Nhiều trường mầm non thiếu đồ dùng, đồ chơi; thiết bị, đồ dùng dạy học ở các trường phổ thông sau nhiều năm sử dụng đã xuống cấp, hư hỏng, không được bổ sung đầy đủ, kịp thời nên chưa đáp ứng cho nhu cầu dạy học.

**IV. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**1. Kết quả đạt được**

Qua 5 năm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục cho học sinh trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực, đặc biệt trong những năm học gần đây. Cụ thể như sau:

- Giáo dục mầm non

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **2010-2011** | **2014-2015** | **2015-2016** |
| Tỷ lệ % huy động trẻ 3-5 tuổi vào học mẫu giáo | 91,0 | 100 | 100 |
| Tỷ lệ % trẻ 3-5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi | 9,5 | 8,7 | 8,4 |
| Tỷ lệ % trẻ 3-5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân | 8,3 | 7,4 |
| Tỷ lệ % trẻ 5 tuổi đạt yêu cầu | 99,4 | 100 | 100 |

- Giáo dục phổ thông

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp học** | **Nội dung** | **2010-2011** | **2014-2015** | **2015-2016** |
| Tiểu học | Xếp loại hạnh kiểm/đánh giá phát triển phẩm chất | XL từ TB trở lên 99,2% | Thực hiện đầy đủ 99,8% | Đạt về PT phẩm chất 99,5% |
| Xếp loại học lực/đánh giá phát triển năng lực | XLHL từ TB trở lên 95,6% | XLHL từ TB trở lên 98,9% | Đạt về PT năng lực  98,3% |
| Chất lượng môn Tiếng Việt | XL từ TB trở lên 95,6% | XL từ TB trở lên 98,6% | Đạt  97,3% |
| Chất lượng môn Toán | XL từ TB trở lên 95,5% | XL từ TB trở lên 98,6% | Đạt  97,7% |
| THCS | Tỷ lệ % học sinh XLHK từ TB trở lên, trong đó khá, giỏi | 98,6  87,6 | 99,3  89,6 | 99,7  90,2 |
| Tỷ lệ % học sinh XLHL từ TB trở lên, trong đó khá, giỏi | 94,1  33,6 | 95,8  35,3 | 94,6  35,0 |

*Chi tiết cụ thể theo Mục 4, Phụ lục 1 đính kèm.*

**2. Hạn chế, nguyên nhân**

**2.1. Hạn chế**

- Tỷ lệ huy động trẻ DTTS dưới 3 tuổi đến nhà trẻ còn thấp (5%).

- Tỷ lệ học sinh DTTS bỏ học, đi học không chuyên cần còn cao, nhất là cấp THCS. Cụ thể năm học 2015- 2016, số học sinh bỏ học chung của toàn huyện là 26 em (THCS 12 em, TH 14 em), chiếm tỷ lệ 0,2%, trong đó học sinh DTTS bỏ học 26 em chiếm tỷ lệ 0,3% so với tổng số học sinh bỏ học; tỷ lệ đi học không chuyên cần qua kiểm tra các trường THCS vùng DTTS bình quân từ 8% đến 10%, đơn lẻ có trường đến 20%.

- Chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS thấp so với mặt bằng chung của toàn huyện, nhất là về mặt học lực, cụ thể năm học 2015- 2016:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cấp học** | **Nội dung** | **Huyện Sa Thầy (%)** | |
| **Chung** | **Riêng hs DTTS** |
| Tiểu học | Hoàn thành về phát triển phẩm chất đạt | 99,5 | 99,4 |
| Hoàn thành về phát triển năng lực đạt | 98,3 | 97,8 |
| Hoàn thành môn Tiếng Việt | 97,3 | 96,2 |
| Hoàn thành môn Toán | 97,7 | 96,7 |
| THCS | Tỷ lệ học sinh XLHK từ TB trở lên, trong đó khá, tốt | 99,7  90,2 | 99,7  87,6 |
| Tỷ lệ học sinh XLHL từ TB trở lên, trong đó khá, giỏi | 94,6  35,0 | 92,2  18,2 |

**2.2. Nguyên nhân**

- Điều kiện kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trong những năm gần đây tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp, đời sống của đa số đồng bào DTTS còn khó khăn nên điều kiện để chăm lo cho việc học tập của con em còn ít.

- Nhận thức của đa số cha mẹ học sinh người DTTS về mục đích, ý nghĩa việc học tập của con em còn thấp do vậy sự khích lệ, động viên, chăm lo đối với việc học tập của con em và sự phối hợp với nhà trường trong giáo dục học sinh còn hạn chế.

- Một số học sinh chưa có ý thức phấn đấu, vươn lên trong học tập; một số học sinh phải tham gia lao động sản xuất phụ giúp gia đình theo mùa vụ nên chất lượng học tập giảm sút, chán học, bỏ học.

- Sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại một số địa phương với nhà trường, cha mẹ học sinh trong việc chăm lo học tập của học sinh DTTS chưa hiệu quả, nhất là việc phối hợp để huy động học sinh đi học, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần của học sinh.

- Cơ sở vật chất phục vụ dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục, ăn, ở, chăm sóc sức khỏe cho học sinh các trường vùng DTTS chưa đáp ứng yêu cầu: Hiện còn tồn tại nhiều phòng học tạm, mượn, nhờ; thiếu phòng bộ môn, phòng chức năng, công trình vệ sinh, nước sạch; thiếu đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, đồ dùng dạy học; một số trường PTDTBT thiếu cơ sở vật chất phục vụ ăn, ở, chăm sóc học sinh.

- Một bộ phận giáo viên có năng lực giảng dạy thực tế chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng lớn đến chất lượng giáo dục học sinh.

- Công tác quản lý dạy học các trường vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS có lúc thiếu chặt chẽ, không kịp thời, hiệu quả thấp; việc tồn tại nhiều điểm trường lẻ, lớp ghép không những gây khó khăn cho công tác đầu tư cơ sở vật chất mà còn làm cho công tác quản lý gặp khó khăn và chất lượng dạy học thấp.

**Phần 3**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**I. QUAN ĐIỂM**

Phát triển sự nghiệp giáo dục vừa là vấn đề cấp bách, vừa là chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ thường xuyên của hệ thống chính trị trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XVI nhiệm kỳ 2016-2020 là động lực then chốt cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội góp phần xây dựng huyện Sa Thầy ổn định, sớm thoát nghèo và phát triển bền vững.

Phát triển Giáo dục & Đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển bền vững, cần phải có hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, có tính kế thừa, tính trọng tâm, trọng điểm và có lộ trình phù hợp. Do đó phải được tiến hành đồng bộ, rộng khắp, thường xuyên, liên tục từ việc nhận thức, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên đến việc đầu tư cơ sở vất chất, trường lớp học.

Phát triển giáo dục & đào tạo là nhiệm vụ của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhà trường và gia đình giữ vai trò quyết định. Huy động tối đa nguồn lực trong nhân dân, của địa phương trong phát triển giáo dục; đồng thời, tranh thủ các nguồn lực của Trung ương, của tỉnh và xã hội để đầu tư phát triển giáo dục.

**II. MỤC TIÊU**

1. **Mục tiêu chung**

Kế thừa và phát huy kết quả đạt được qua thực hiện Nghị quyết số 05- NQ/TU ngày 03/12/2007 của Ban thường vụ tỉnh ủy về nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số tỉnh Kon tum giai đoạn 2008 - 2015; Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 05/8/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Sa Thầy khóa XV về phát triển Giáo dục & Đào tạo giai đoạn 2011-2015; trên cơ sở tình hình thực tế về giáo dục trên địa bàn huyện có những giải pháp phù hợp để huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội, tiếp tục thực hiện việc nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh đặc biệt là học sinh vùng DTTS trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Đối với giáo dục mầm non**

- Huy động 100% trong độ tuổi đủ điều kiện ra lớp.

- 100% trường mầm non thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày.

- 100% trẻ em 5-6 tuổi vùng dân tộc thiểu số được trang bị tiếng Việt và chuẩn bị đủ các điều kiện trước khi vào lớp 1.

- Tỉ lệ trẻ em trong trường mầm non suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi duy trì ở mức dưới 10%.

**2.2. Đối với giáo dục phổ thông**

- 100% trẻ em hoàn thành chương trình mẫu giáo được vào lớp 1.

- 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS.

- 100% học sinh tiểu học được đánh giá về học lực và năng lực, phẩm chất (Đạo đức) đạt mức hoàn thành trở lên.

- Trên 95% học sinh Trung học cơ sở có hạnh kiểm khá tốt và trên 40% học sinh đạt học lực khá, giỏi.

-100% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS.

**2.3. Đối với cán bộ quản lý và giáo viên**

- 100% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, trong đó trên 90% đạt trình độ đào tạo trên chuẩn.

- Trên 90% cán bộ quản lý đạt trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Tỉ lệ giáo viên giỏi các cấp hàng năm đạt trên 60% tổng số giáo viên.

- Phấn đấu từ 70% cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phổ thông được đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số hoặc ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

**2.4. Về phổ cập giáo dục**

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập Trung học cơ sở.

**2.5. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và trường chất lượng cao**

- 100% trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn “trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Xây dựng 03 trường chất lượng cao, gồm: trường mầm non Hoa Hồng, trường tiểu học Hùng Vương, trường Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành.

- Phấn đấu đến năm 2020 toàn huyện có 7 trường mầm non, 8 trường tiểu học và 6 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia (có thêm 10 trường đạt chuẩn).

**III. Nhiệm vụ**

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý các cấp về giáo dục

Đổi mới công tác quản lý của chính quyền, chỉ đạo sâu sát các nhiệm vụ giáo dục, chất lượng giáo dục. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đối với giáo dục. Tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ sở giáo dục; tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các nhà trường đi đôi với việc hoàn thiện cơ chế quản lý; tiếp tục triển khai hoạt động tự đánh giá các cơ sở giáo dục.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt yêu cầu. Phát huy, nhân rộng sáng kiến kinh nghiệm, mô hình tốt; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tại các trường học; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành công tác đội cho giáo viên kiêm nhiệm làm tổng phụ trách đội.

Tăng cường giáo viên giỏi có kinh nghiệm lâu năm công tác tại các trường đạt chuẩn và ba trường xây dựng thành trường chất lượng cao; bố trí đủ giáo viên theo định mức quy định; đổi mới cơ chế bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường.

Đổi mới công tác tuyển dụng giáo viên đảm bảo tuyển dụng được đội ngũ giáo viên có kiến thức chuyên môn và năng lực sư phạm tốt. Ưu tiên tuyển dụng giáo viên là người dân tộc thiểu số được cử đi học cử tuyển.

3. Nâng cao chất lượng học sinh

Tập trung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh mầm non; từng bước đưa học sinh lớp 3, 4, 5 từ các điểm trường lẻ về điểm trường trung tâm; giảm dần các điểm trường lẻ một cách hợp lý; nâng cao chất lượng đầu vào các cấp học; huy động tối đa số học sinh trong độ tuổi ra lớp, nâng cao tỷ lệ chuyên cần; xây dựng các giải pháp đồng bộ, thiết thực, phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe học sinh.

4. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp học ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020 một cách hợp lý. Chỉ đạo bố trí lồng ghép các nguồn lực, nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

5. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục

  Tập trung nâng cao kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục các xã có chất lượng thấp. Tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp; gắn việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia với việc nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng nông thôn mới.

6. Xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường chất lượng cao.

Xây dựng lộ trình trường đạt chuẩn quốc gia và trường chất lượng cao trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020. Huy động các nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và chất lượng học sinh.

**IV. GIẢI PHÁP**

**1. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh**

- Tổ chức Đảng các cấp, đặc biệt là tổ chức Đảng của các xã, phường, thị trấn và các cơ quan quản lý giáo dục, trường học đưa nội dung thực hiện Đề án vào chương trình hành động của đơn vị để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; gắn trách nhiệm thực hiện các mục tiêu, giải pháp cụ thể của Đề án với nhiệm vụ chính trị của từng đảng viên, nhất là đảng viên trong các trường học.

- Huy động và phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong việc phối hợp tham gia công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân, đặc biệt là của học sinh, cha mẹ học sinh đối với việc nâng cao chất lượng học sinh**

**2.1. Chọn lựa nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp**

- Chọn lọc và tuyên truyền những chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo liên quan đến miền núi và vùng đồng bào DTTS vùng Tây Nguyên; mục đích, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh đặc biệt là học sinh DTTS.

- Chọn lựa hình thức tuyên truyền phù hợp, có hiệu quả đối với từng đối tượng; đẩy mạnh hình thức tuyên truyền trực tiếp cho nhân dân, cha mẹ học sinh thông qua các cuộc họp, sinh hoạt cộng đồng thôn, làng, các cuộc họp phụ huynh; tuyên truyền cho học sinh qua sinh hoạt lớp và các hình thức phổ biến khác của nhà trường.

**2.2. Tăng cường cơ chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tại địa phương, cha mẹ học sinh**

- Thành lập, củng cố Hội đồng giáo dục cấp huyện, xã đủ điều kiện, năng lực để triển khai đề án nâng cao chất lượng giáo dục ở từng cấp, từng địa phương.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng giáo dục các cấp để chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của địa phương, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS; trong đó đặc biệt chú trọng việc huy động trẻ dưới 3 tuổi, trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi, học sinh tiểu học, học sinh THCS trong độ tuổi ra lớp, đảm bảo tỉ lệ học sinh đi học chuyên cần, hạn chế bỏ học, nghỉ học.

**2.3. Tăng cường công tác giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm cho học sinh**

- Các trường thực hiện đầy đủ, có hiệu quả chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục công dân cho học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề, hoạt động trải nghiệm để nâng cao kỹ năng sống, nâng cao trách nhiệm của học sinh trong việc trau dồi đạo đức, phát triển năng lực cá nhân, chuẩn bị cho việc lập thân, lập nghiệp, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước và bảo vệ tổ quốc.

**3. Sắp xếp lại hệ thống trường, lớp; đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh.**

**3.1. Rà soát, sắp xếp lại các điểm trường tại làng/thôn đối với các trường mầm non, tiểu học; các trường PTDTBT cho phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục**

Cấp ủy, chính quyền các xã thị trấn phối hợp với phòng giáo dục và các trường rà soát, tính toán và sắp xếp lại hệ thống các trường học, các điểm trường lẻ tại các thôn làng một cách khoa học, hợp lý theo hướng giảm số điểm trường, giảm số lớp ghép 2 trình độ ở tiểu học và nhóm, lớp 2, 3 độ tuổi ở mầm non nâng cao chất lượng chăm sóc đối với trẻ, dạy học đối với học sinh.

- Đối với các trường PTDTBT: Đổi trường PTDTBT không đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện ăn, ở, sinh hoạt bán trú và tỷ lệ học sinh bán trú theo quy định thành trường tiểu học, THCS công lập bình thường; những trường thành lập mới phải có đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện ăn, ở, sinh hoạt bán trú và tỷ lệ HSBT để đảm bảo hoạt động lâu dài, có hiệu quả.

**3.2. Tập trung triển khai kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia và trường chất lượng cao.**

*3.2.1. Xây dựng trường chuẩn quốc gia:*

*-* Duy trì và nâng cao mức độ đạt chuẩn quốc gia của trường đã đạt chuẩn gồm:

+ Trường mầm non Hoa Hồng thị trấn, Trường mầm non Ánh Dương xã Sa Bình, Trường mầm non xã Sa Nhơn.

+ Trường tiểu học Hùng Vương Thị trấn, Trường tiểu học Lê Hồng Phong thị trấn, Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc xã Sa Bình, Trường tiểu học Kim Đồng xã Sa Sơn, Trường tiểu học xã Rờ Kơi, Trường tiểu học xã Sa Nhơn.

+ Trường THCS Nguyễn Tất Thành thị trấn, Trường THCS xã Sa Nghĩa, Trường THCS xã Sa Nhơn.

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí trường chuẩn quốc gia đối với từng trường để tập trung các nguồn lực để xây dựng các trường dự kiến sẽ đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2016-2020 gồm:

+ Trường mầm non: Sao Mai xã Sa Sơn, Vàng Anh xã Ya Tăng, Hoa Sen xã Sa Nghĩa, Mầm non xã Rờ Kơi.

+ Trường tiểu học: Ya Xiêr, Trần Phú xã Sa Nghĩa, Lê Văn Tám xã Sa Bình,

+ Trường THCS: Trường THCS Lý Tự Trọng xã Sa Sơn, Trường THCS Hai Bà Trưng xã Sa Bình, Trường THCS xã Rờ Kơi.

*3.2.2. Xây dựng 03 trường chất lượng cao:*

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho toàn thể cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục, học sinh và cha mẹ học sinh trên địa bàn huyện về chủ trương xây dựng các trường mầm non Hoa Hồng, Tiểu học Hùng Vương và Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành là trường trọng điểm chất lượng cao của huyện để mọi người biết và tích cực tham gia, hưởng ứng.

- Tập trung điều động, bổ sung đội ngũ giáo viên giỏi cấp huyện và cấp tỉnh về giảng dạy tại các trường này; đầu tư bổ sung phòng học, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục cho các trường này.

- Tổ chức tuyển chọn những học sinh giỏi của các trường tiểu học, THCS về học tại các trường tiểu học Hùng Vương và THCS Nguyễn Tất Thành, hình thành các lớp chọn để bồi dưỡng đội ngũ học sinh giỏi các cấp.

- Tập trung đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ và phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường Mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục học sinh tại các trường trọng điểm.

**3.3. Rà soát, đánh giá lại cơ sở vật chất của từng trường**

Trên cơ sở đó tập trungđầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường đặc biệt là phòng học, công trình vệ sinh, hệ thống nước sạch, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng nhu cầu chăm sóc của trẻ và học tập của học sinh; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ ăn, ở, sinh hoạt và các điều kiện hoạt động bán trú.

Tập trung thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học theo danh mục đầu tư công giai đoạn 2016-2020 của UBND huyện. Cụ thể:

+ Nguồn vốn giảm nghèo bền vững, bao gồm cả chương trình 135, nông thôn mới : 8,2 tỷ đồng.

+ Nguồn Trái phiếu Chính phủ thực hiện kiên cố hóa trường học: 18 tỷ đồng.

+ Nguồn ngân sách tỉnh: xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành: 9 tỷ đồng.

+ Nguồn đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình trường bán trú của Bộ Giáo dục & Đào tạo: 1,5 tỷ đồng.

+ Nguồn sổ số kiến thiết tỉnh: 6,4 tỷ đồng.

+ Nguồn ngân sách huyện (đấu giá đất, tăng thu…) khoảng 11 tỷ đổng.

+ Nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục để sửa chữa trường học, mua bổ sung trang thiết bị đồ dùng dạy học hàng năm khoảng 20 tỷ.

+ Nguồn xã hội hóa để xây dựng cổng tường rào và các công trình phụ trợ (chủ yếu do nhân dân đóng góp) khoảng 1,5 tỷ đồng.

*Chi tiết theo Mục 1, Phụ lục 02 đính kèm.*

**4. Xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện.**

4.1. Bố trí cán bộ QLGD, giáo viên cho các trường đảm bảo về số lượng, cơ cấu, trình độ và kỹ năng sư phạm; trong đó ưu tiên bố trí giáo viên Ngoại ngữ theo Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”; ưu tiên bố trí giáo viên mầm non để đảm bảo tỉ lệ tối thiểu theo tiêu chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi (từ 1,5 giáo viên/lớp trở lên).

Xây dựng đội ngũ cán bộ QLGD, giáo viên cốt cán ổn định công tác lâu dài tại các trường; thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ QLGD, giáo viên hợp lý, tạo điều kiện cho họ yên tâm công tác và cống hiến tại vùng DTTS.

4.2. Rà soát, lựa chọn và bố trí đi học nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, học tiếng DTTS cho những viên chức chưa đủ tiêu chuẩn xếp hạng giáo viên và yêu cầu của từng vị trí việc làm. Cụ thể:

+ Bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ cho 116 người từ trung cấp lên cao đẳng và 339 người từ lên trình độ đại học; 05 người lên thạc sỹ.

+ Bồi dưỡng lý luận chính trị từ trung cấp trở lên cho: 141 cán bộ QLGD và tổ khối trưởng chuyên môn của các trường.

+ Bồi dưỡng ngoại ngữ chứng chỉ B trở lên cho 469 viên chức giáo dục.

+ Bồi dưỡng chứng chỉ B tin học trở lên cho 741 viên chức giáo dục.

+ Bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD cho 75 cán bộ QLGD và tổ khối trưởng chuyên môn của các trường.

+ Bồi dưỡng tiếng DTTS tại chỗ cho 199 viên chức giáo dục.

***\* Kinh phí thực hiện:***

- Số lượng kinh phí: 2.085 triệu đồng (hỗ trợ học phí 01 triệu/người).

- Nguồn kinh phí: Ngân sách huyện giao các trường hàng năm (hỗ trợ học phí cho giáo viên) 2.085 triệu đồng.

4.3. Tập trung các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, không ngừng nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên dạy giỏi các cấp.

- Tăng cường công tác sinh hoạt tổ khối chuyên môn; tổ chức các cuộc hội thảo, sinh hoạt chuyên để nhằm trao đổi kinh nghiệm giảng dạy giữa các giáo viên; bố trí giáo viên giỏi giúp đỡ giáo viên tập sự, giáo viên trung bình; tăng cường công tác dự giờ, đánh giá rút kinh nghiệm giảng dạy cho giáo viên để nâng cao chất lượng giờ dạy cho giáo viên.

- Tổ chức tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên và công tác thăm quan, học hỏi kinh nghiệm cho giáo viên vào dịp hè mỗi năm học để giáo viên không ngừng tích lũy kinh nghiệm chuyên môn.

- Tổ chức tốt công tác thi giáo viên dạy giỏi hàng năm, kịp thời khen thưởng, động viên các giáo viên có nhiều thành tích xuất sắc trong giảng dạy.

4.4. Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ QLGD, giáo viên hàng năm chặt chẽ, theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sắp xếp, bố trí công tác khác phù hợp đối với những giáo viên không đáp ứng yêu cầu dạy học.

4.5. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với cán bộ QLGD, giáo viên công tác vùng DTTS, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

**5. Tăng cường công tác quản lý; thực hiện dạy 2 buổi/ngày, phụ đạo đối với học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh khá giỏi; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp đối tượng**

**5.1. Tăng cường công tác quản lý**

- Phát huy vai trò của Hội đồng trường trong việc quản lý học sinh, huy động tối đa trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo, học sinh ra lớp, duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần của học sinh và giám sát các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tăng cường công tác quản lý đối với các trường trong việc triển khai đầy đủ nội dung chương trình dạy học, các hoạt động giáo dục theo quy định, trong đó chú trọng triển khai có hiệu quả Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau THCS.

**5.2. Tăng thời lượng học tập của học sinh trên lớp, thực hiện dạy học 2 buổi/ngày ở các cấp học, bậc học**

5.2.1. Tăng cường cơ sở vật chất, bổ sung đội ngũ giáo viên để tăng số trường, số lớp thực hiện dạy học 2 buổi/ngày bậc mầm non, tiểu học và các trường PTDTBT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tăng số trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp.

5.2.2. Thực hiện việc dạy phụ đạo cho học sinh yếu, kém để củng cố kiến thức, nâng cao chất lượng học sinh DTTS theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06/9/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum, cụ thể:

a. Đối tượng: Trẻ mầm non 5 tuổi DTTS học ở các trường mầm non công lập, học sinh DTTS cấp tiểu học, THCS học ở các trường phổ thông và học sinh DTTS học Chương trình GDTX cấp THCS có năng lực và kết quả học tập yếu, kém các nội dung, môn học.

b. Nội dung, thời lượng thực hiện:

Ngoài nội dung, thời lượng dạy học chính khóa và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các bậc học, cấp học; các trường thực hiện dạy phụ đạo cho trẻ em, học sinh DTTS với nội dung và thời lượng cụ thể như sau([[1]](#footnote-2)):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bậc, cấp học** | **Nội dung thực hiện** | **Thời lượng thực hiện** | |
| **Tổng số tiết/tuần** | **Số tuần/năm học** |
| ***A*** | ***Hệ GDPT*** | - | - |
| 1. Mầm non | Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ 5 tuổi. | Tối đa 9 tiết (3 buổi) | 33/35 tuần |
| 2. Tiểu học | Tăng cường các môn Tiếng Việt, Toán. | Tối đa 12 tiết (4 buổi) | 33/35 tuần |
| 3. THCS | Phụ đạo các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý. Riêng lớp 8,9 có thêm môn Hóa học. | Tối đa 12 tiết | 35/37 tuần |
| ***B*** | ***Hệ GDTX*** | - | - |
| THCS | Phụ đạo các môn: Toán, Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học | Tối đa 8 tiết | 30/32 tuần |

c. Định mức bồi dưỡng giáo viên thực hiện:

- Đối với bậc mầm non:

+ Nếu nhóm, lớp được bố trí đủ định mức biên chế giáo viên phù hợp với quy mô để thực hiện dạy 2 buổi/ngày theo quy định[[2]](#footnote-3): Giáo viên thực hiện không được hưởng tiền bồi dưỡng.

+ Nhóm, lớp không được bố trí đủ định mức biên chế giáo viên để dạy 2 buổi/ngày: Giáo viên thực hiện được bồi dưỡng với định mức 21.000đ/tiết.

- Đối với cấp tiểu học:

+ Nếu lớp học được bố trí đủ định mức biên chế 1,5 giáo viên/lớp (không tính giáo viên Tin học, Ngoại ngữ) để thực hiện dạy 2 buổi/ngày theo quy định[[3]](#footnote-4): Giáo viên thực hiện dạy phụ đạo không được hưởng tiền bồi dưỡng.

+ Nếu lớp học bố trí định mức biên chế 1,2 giáo viên/lớp (không tính giáo viên Tin học, Ngoại ngữ) để thực hiện dạy 1 buổi/ngày theo quy định: Giáo viên thực hiện được bồi dưỡng với định mức 32.000đ/tiết.

- Đối với cấp THCS, THPT hệ GDPT và GDTX: Nếu số tiết giáo viên thực hiện dạy chính khóa + số tiết giáo viên dạy phụ đạo/tuần vượt số tiết tiêu chuẩn quy định và tổng số tiết giáo viên đã thực hiện dạy chính khóa + tổng số tiết giáo viên dạy phụ đạo/năm vượt số tiết tiêu chuẩn quy định thì số tiết vượt được chi trả tiền bồi dưỡng với định mức như sau:

+ Dạy phụ đạo cấp THCS hệ GDPT: 42.000đ/tiết.

***\* Kinh phí thực hiện:***

+ Số lượng kinh phí: Ước khoảng 1.600 triệu đồng/năm học. Giai đoạn 2016- 2020 ước khoảng 8.000 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh bổ sung thêm ngoài định mức chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo ổn định hàng năm.

*Chi tiết theo Mục 3 của Phụ lục 2 đính kèm.*

**5.3. Bồi dưỡng học sinh khá, giỏi**

- Tổ chức khảo sát, đánh giá xếp loại học sinh theo đúng qui định để tổ chức bồi dưỡng học sinh khá, giỏi từ lớp 3 đến lớp 9, từng bước nâng cao chất lượng học sinh và nâng tỉ lệ học sinh khá giỏi THCS lên 40% vào năm 2020.

- Thời lượng bồi dưỡng: Từ 3 đến 4 tiết/tuần cho mỗi lớp.

- Định mức bồi dưỡng:

+ Tiểu học: 32.000 đồng x 04 tiết x 24 lớp x 20 tuần = 61, 44 triệu đồng.

+ Trung học cơ sở: 42.000 đồng x 280 lớp x 3 tiết x 16 tuần = 564 triệu đồng.

- Tổng kinh phí khoảng 625 triệu đồng/năm, trong đó, cha mẹ học sinh đóng góp 50%, ngân sách huyện hỗ trợ 50%.

**5.4. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp đối tượng**

- Thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học phù hợp đối tượng học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, phát triển các kỹ năng của người học; khuyến khích tính tự học để học sinh tự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; đa dạng hóa các hình thức học tập; có các hình thức phù hợp nâng cao năng lực tự học của học sinh DTTS, tổ chức có hiệu quả mô hình hướng dẫn tự học cho học sinh DTTS ở các trường PTDTBT.

- Thực hiện nghiêm túc việc đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo tính vừa sức, phù hợp đối tượng; trung thực, khách quan, triệt để chống bệnh thành tích trong giáo dục.

**5.5. Các cơ quan quản lý giáo dục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục đối với các trường vùng DTTS; kịp thời chấn chỉnh sai sót và có giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục.**

**6. Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chế độ, chính sách đối với học sinh**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng chính sách học bổng cho học sinh các trường PTDTBT; các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với trẻ mầm non, học sinh bán trú, học sinh vùng đặc biệt khó khăn, học sinh con hộ nghèo.

- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng các chế độ, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với trẻ em, học sinh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phát huy vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, của đại diện cha mẹ học sinh, của chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

**7. Tăng cường nguồn lực Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục**

**-** Ưu tiên các nguồn lực của địa phương, của ngành giáo dục để đầu tư cho sự nghiệp giáo dục; tổ chức lồng ghép các nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, trang thiết bị dạy học cho các trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục: Kêu gọi các tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng trường lớp học; vận động nhân dân đóng góp xây dựng các công trình phụ trợ (Giếng nước, công tường rào, sân bê tông, nhà vệ sinh…) cho các trường.

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Kinh phí, nguồn kinh phí**

***ĐVT: triệu đồng***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tổng số kinh phí** | **Nguồn kinh phí** | | | | |
| **TW** | **XSKT** | **Tỉnh** | **Huyện** | **Xã hội hóa** |
| 1 | Đầu tư CSVC | 75.700 | 27.700 | 6.400 | 9.000 | 31.100 | 1.500 |
| 2 | Bồi dưỡng cán bộ QLGD, GV | 2.085 | không | không | không | 2.085 | không |
| 3 | Hỗ trợ bồi dưỡng học sinh khá giỏi | 2.500 | không | không | không | 1.250 | 1.250 |
| **Tổng cộng** | | **80.285** | **27.700** | **6.400** | **9.000** | **34.435** | **2.750** |

**2. Phân kỳ thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nguồn** | **Tổng số** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| TW | **27.700** | 6.000 | 6.000 | 6.000 | 6.000 | 3.700 |
| XSKT | **6.400** | 1.500 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | 400 |
| NS tỉnh phân cấp | **9.000** | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 1.000 |
| NS huyện | **34.435** | 5.235 | 7.300 | 7.300 | 7. 300 | 7.300 |
| XHH | **2.750** | x | 680 | 680 | 680 | 710 |
| **Cộng** | **80.285** | 14.735 | 17.480 | 17.480 | 17.480 | 13.110 |

**Phần 4**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành và UBND các xã Thị trấn tổ chức, triển khai thực hiện Đề án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án giữa kỳ, kết thúc Đề án để báo cáo UBND huyện.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND huyện ban hành các chủ trương, chính sách liên quan đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh.

- Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý việc dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hoạt động khác để nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh.

**2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

**-** Chủ trì, phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã Thị trấn bố trí ngân sách thực hiện các nội dung Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn, Phòng Dân tộc, Phòng Nông nghiệp phát triển Nông thôn, Kinh tế Hạ tầng, Ban quản lý dự án giảm nghèo huyện…tham mưu UBND huyện phân bổ vốn đầu tư theo quy định và lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình, dự án để đảm bảo thực hiện nội dung đầu tư cơ sở vật chất của Đề án theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã Thị trấn, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá việc đầu tư cơ sở vật chất của Đề án theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016- 2020 , báo cáo UBND huyện.

**3. Phòng Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với phòng Giáo dục & Đào tạo tham mưu UBND huyện trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý và giáo viên phù hợp với nội dung đề an và tình hình của các trường.

**4. UBND các xã, thị trấn**

- Chỉ đạo các trường thuộc địa phương tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án trên phạm vi địa bàn thuộc quyền quản lý.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo các ban ngành, các tổ chức đoàn thể tại địa phương, huy động các nguồn lực triển khai thực hiện Đề án.

- Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về hiệu quả thực hiện Đề án đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn thuộc quyền quản lý.

**5. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện**

- Phối hợp với Phòng Tài chính Kế hoạch và UBND các xã thị trấn tham mưu cho UBND huyện trong việc phân bổ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia để đâù tư xây dựng cơ sở vật chất trường học theo nội dung đề án được duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá việc sử dụng nguồn vốn thuộc chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học theo nội dung Đề án này.

**6. Đề nghị Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức Chính trị - Xã hội**

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành và nhân dân trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh, đặc biệt là học sinh DTTS.

- Vận động các tổ chức, đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội ủng hộ vật chất, tinh thần chăm lo phát triển giáo dục góp phần thực hiện Đề án này.

1. [↑](#footnote-ref-2)
2. () Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ. [↑](#footnote-ref-3)
3. () Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ. [↑](#footnote-ref-4)